

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2026

V/v: ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi; Bà Nguyễn Thị Hoài

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/03/1976

Số CCCD: 030076004353.

Nơi thường trú: Thôn S, xã B, Thành phố P.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982

Số CCCD: 038182009193.

Nơi thường trú: Thôn S, xã B, Thành phố P.

(Hiện bà T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã B, thành phố P) ngày 25/01/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn S, xã B và ở nhà làm tự do. Ông và bà chung sống hoà thuận được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất được cách làm kinh tế, mỗi người một ý, thường xuyên xảy ra cãi nhau, dần dần tình cảm lạnh nhạt xa cách, không tìm được tiếng nói chung. Khoảng năm 2016 – 2017, ông đã từng làm đơn ly hôn bà T gửi Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, nhưng lúc đó con ông còn nhỏ, ông muốn hàn gắn để có một gia đình đầy đủ cho con nên

ông rút đơn về, vợ chồng tiếp tục chung sống. Nhưng mâu thuẫn vẫn không được khắc phục mà còn cãi nhau căng thẳng hơn. Năm 2021, vợ chồng ông bàn bạc để bà T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi bà T đi, thời gian đầu ông bà vẫn liên lạc hỏi thăm về gia đình, con cái nhưng chỉ được hai năm thì vợ chồng không liên lạc nữa, không quan tâm nhau mà chỉ còn trách nhiệm với con. Bà T còn bảo ông ở nhà nếu tìm được ai phù hợp thì cứ tìm, bà không còn tình cảm gì với ông nữa. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Ông không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc và sinh sống của bà T ở Đài Loan. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Vũ Minh, sinh ngày 16/11/2007. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Vũ Thị T hiện đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài (Đài Loan). Toà án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Toà án cho bà T theo quy định pháp luật và thông qua người thân gia đình. Anh Nguyễn Vũ Minh là con đẻ của bà Vũ Thị T xác định: Bố mẹ anh chung sống từ năm 2006 đến năm 2021 thì mẹ anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Anh chỉ biết mẹ anh ở Đài Loan chứ không biết địa chỉ cụ thể như thế nào. Sau khi mẹ anh đi được khoảng 02 năm thì anh được biết bố mẹ anh xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân là do bố mẹ anh bất đồng quan điểm sống, anh thường xuyên thấy bố mẹ cãi nhau qua điện thoại và sau này không còn liên lạc quan tâm đến nhau nữa. Mẹ anh chỉ gọi trực tiếp cho anh để mẹ con nói chuyện, hỏi han nhau. Vừa qua anh được biết bố anh đã làm đơn xin ly hôn với mẹ anh, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Trước khi mẹ anh đi Đài Loan thì chung sống cùng nhà với bố con anh ở thôn S, xã B. Từ khi mẹ anh đi năm 2021 đến nay, anh và bố anh vẫn ở trên căn nhà đó. Hiện nay anh đã trưởng thành đủ 18 tuổi, anh cũng mong bố mẹ anh hoà giải về tiếp tục chung sống, nếu không được thì anh cũng phải chịu. Anh đã nhận thay cho mẹ anh tất cả các văn bản của Toà án và anh đã thông báo lại toàn bộ nội dung các văn bản cho mẹ anh được biết. Mẹ anh là bà T đã nắm được và không có ý kiến gì.

Tại buổi làm việc với Toà án, anh Minh đã gọi điện trực tiếp qua zalo video cho mẹ anh là bà T, bà T đã nghe và xác định đã được con trai bà thông báo toàn bộ nội dung các văn bản của Toà án, bà T nhất trí ly hôn ông Q nhưng bà không về làm việc với Toà án được, bà đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn của bà theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập là không đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của

Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Vũ Thị T.

- Về con chung: Không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004495 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13- P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với bà Vũ Thị T, đăng ký thường trú tại thôn S, xã B, thành phố P. Theo thông tin xuất nhập cảnh của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố P cung cấp, bà Vũ Thị T xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số C9343548, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã B, thành phố P) ngày 25/01/2006, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có căn cứ xác định: Quá trình chung sống, ông Q và bà T đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về suy nghĩ, lối sống, không thống nhất được với nhau trong cách chi tiêu, quản lý kinh tế. Khi bà T còn ở nhà chưa đi lao động nước ngoài, ông Q đã từng làm đơn ly hôn gửi lên Toà án, sau đó lại rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn không được cải thiện. Sau khi bà T sang Đài Loan lao động, ông bà không còn liên lạc quan tâm nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ông Q được ly hôn bà T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Vũ Minh, sinh ngày 16/11/2007. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ngày 20/10/2025, cháu Minh chưa đủ 18 tuổi. Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án, cháu Minh đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên HĐXX không giải quyết nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 **quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.**

Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Vũ Thị T.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0004495 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã B (Giấy CNKH số 05 do UBND xã S cấp ngày 25/01/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân